

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

Tháng 1 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Chí Toàn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/06/2018
Ông Nguyễn Hồng Ân	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/06/2018
Ông Nguyễn Hồng Ân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/06/2018
Ông Lê Chí Toàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/06/2018
Ông Nguyễn Niệm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/02/2018
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Thành viên	
Ông Lê Văn Chiến	Thành viên	
Ông Tống Thành Nguyên	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Ân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2018
Ông Lê Chí Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/03/2018
Ông Nguyễn Niệm	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/02/2018

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hồng Ân (tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2018).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Ân
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 1 năm 2019

Số: 119 /VACO/BCSX.HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30/1/2019, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Theo Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17 tháng 9 năm 2018, Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành các Quyết định số 172/QĐ-TTr và Quyết định số 182/QĐ-TTr cùng ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc thu hồi tiền nộp vào ngân sách Nhà nước; Theo đó, Công ty bị thu hồi tiền thuê đất truy thu bổ sung từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 91.099.278.151 VND và tiền thuê hạ tầng do Ngân sách tỉnh đầu tư đối với diện tích đất khu vực bãi tắm Thùy Vân mà Công ty đang quản lý, sử dụng là 3.658.061.609 VND. Đồng thời, Công ty cũng chưa hạch toán đầy đủ tiền thuê đất đối với diện tích bãi tắm Thùy Vân theo Thông báo số 3305/160/TB-CCT ngày 27 tháng 04 năm 2018, số tiền chưa hạch toán là 6.192.760.233 VND;

Như trình bày tại Thuyết minh số 33 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng: Công ty chưa được Cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký kết các hợp đồng thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng liên quan đến diện tích đất khu vực Bãi tắm Thùy Vân, cũng như chưa nhận được các văn bản phản hồi, xử lý đối với Công văn số 95/CV-CPDL ngày 05 tháng 11 năm 2018 mà Công ty đã gửi Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các văn bản phản hồi từ Cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo đó, chúng tôi không có cơ sở xác định giá trị tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng đã bị ghi nhận thiếu các năm từ 2006 đến 2017 để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính bán niên năm 2018 và tiền thuê đất phát sinh chưa hạch toán của 6 tháng đầu năm 2018 (nêu trên) của Công ty, cũng như các điều chỉnh hồi tố liên quan đến báo cáo tài chính các năm trước của Công ty.

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, tòa nhà TCT 319, số 63 Lê Văn Lương,
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84-24) 3577 0781
Fax: (84-24) 3577 0787

Văn phòng Đồng Nai

Số 79 đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560
Fax: (84-251) 382 8560

Văn phòng Hải Phòng

499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-225) 353 4655
Fax: (84-225) 353 4316

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận (Tiếp theo)

Cùng vấn đề như trên, Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong đã gửi Công văn kiến nghị số 12/CV-DLNP ngày 05 tháng 11 năm 2018 đến Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đối với số tiền thuê đất bị truy thu bổ sung, tiền thuê hạ tầng theo các Quyết định số 173/QĐ-TTr; Quyết định số 177/QĐ-TTr cùng ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chánh Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giá trị lần lượt là 28.397.591.059 VND và 3.582.625.227 VND; và số tiền thuê đất 6 tháng đầu năm 2018 chưa hạch toán đủ theo các Thông báo số 3305/160/TB-CCT ngày 27 tháng 04 năm 2018 của Chi cục thuế Tp. Vũng Tàu với giá trị 3.153.736.386 VND. Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các văn bản phản hồi từ Cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo đó, chúng tôi không có cơ sở đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào Công ty con (do việc ghi nhận thiếu chi phí tiền thuê đất trên báo cáo tài chính bán niên của Công ty con), cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu có liên quan của báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2018.

Tại ngày 30/6/2018, chúng tôi không thu thập được các báo cáo giữa niên độ năm 2018 của các Công ty trên danh mục đầu tư khác làm căn cứ đánh giá dự phòng các khoản đầu tư tại 30/6/2018. Theo đó, chúng tôi không tính toán được ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2018 của Công ty.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về các báo cáo tài chính này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 đã được kiểm toán/soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 31/3/2018 đưa ra ý kiến ngoại trừ về các khoản chênh lệch tiền thuê đất và báo cáo soát xét đề ngày 31/8/2017 đưa ra kết luận ngoại trừ liên quan đến các khoản chênh lệch tiền thuê đất và trích lập thiếu chi phí dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con. Tại ngày 30/6/2018, các vấn đề ngoại trừ tại báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 vẫn còn tồn tại và tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, như đã nêu tại đoạn Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận.



Pho Long Hoàn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp.HCM, ngày 30 tháng 1 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		55.683.282.163	58.874.580.622
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	19.907.808.748	19.341.115.540
1. Tiền	111		9.257.808.748	16.091.115.540
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.650.000.000	3.250.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	13.190.004.400	13.190.004.400
1. Chứng khoán kinh doanh	121		18.821.032.777	18.821.032.777
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(8.731.028.377)	(8.731.028.377)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.100.000.000	3.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.483.899.841	21.556.271.884
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	17.506.640.326	18.656.338.234
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.687.266.629	1.432.153.217
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	8.350.000.000	9.950.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	8.716.267.242	10.294.054.789
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(18.810.304.239)	(18.810.304.239)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		34.029.883	34.029.883
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.279.301.218	1.225.000.669
1. Hàng tồn kho	141		1.279.301.218	1.225.000.669
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.822.267.956	3.562.188.129
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	921.037.916	673.418.114
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	10.185.361
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	2.901.230.040	2.878.584.654
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		177.043.993.022	176.384.578.993
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		514.000.000	562.673.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	514.000.000	562.673.000
II. Tài sản cố định	220		62.604.742.577	64.589.219.201
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	62.604.742.577	64.589.219.201
- Nguyên giá	222		136.605.623.610	134.735.601.792
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.000.881.033)	(70.146.382.591)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	108.427.377.805	105.774.377.805
1. Đầu tư vào công ty con	251		47.664.335.615	47.664.335.615
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.550.832.918	7.897.832.918
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		63.852.176.741	63.852.176.741
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(13.639.967.469)	(13.639.967.469)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5.497.872.640	5.458.308.987
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	5.497.872.640	5.458.308.987
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		232.727.275.185	235.259.159.615

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		69.612.604.660	74.749.455.182
I. Nợ ngắn hạn	310		51.920.455.896	56.901.078.001
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	3.998.928.583	2.577.974.205
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		643.136.488	249.111.588
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	19.089.499.684	23.840.914.288
4. Phải trả người lao động	314		-	50.129.153
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		288.185.036	236.601.489
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	21.166.383.404	22.154.271.621
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	6.043.093.990	6.760.386.946
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		691.228.711	1.031.688.711
II. Nợ dài hạn	330		17.692.148.764	17.848.377.181
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	3.639.806.151	3.796.034.568
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	14.052.342.613	14.052.342.613
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	23	163.114.670.525	160.509.704.433
I. Vốn chủ sở hữu	410		163.114.670.525	160.509.704.433
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		186.445.000.000	186.445.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		186.445.000.000	186.445.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.238.309.719	11.238.309.719
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(34.568.639.194)	(37.173.605.286)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(37.173.605.286)	(28.602.328.142)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.604.966.092	(8.571.277.144)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		232.727.275.185	235.259.159.615



Nguyễn Hồng Ân
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 1 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	54.971.513.982	71.853.457.405
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		54.971.513.982	71.853.457.405
4. Giá vốn hàng bán	11	26	25.260.782.622	36.121.028.050
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		29.710.731.360	35.732.429.355
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	733.241.722	1.449.470.247
7. Chi phí tài chính	22	29	62.513.536	224.501.192
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		62.513.536	224.501.192
8. Chi phí bán hàng	25	30	13.330.032.103	12.920.148.679
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	18.319.424.852	21.866.572.093
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		(1.267.997.409)	2.170.677.638
11. Thu nhập khác	31	31	3.899.873.265	175.267.243
12. Chi phí khác	32		26.909.764	4.615.914.511
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.872.963.501	(4.440.647.268)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.604.966.092	(2.269.969.630)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		2.604.966.092	(2.269.969.630)



Nguyễn Hồng An
Tổng Giám đốc
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 1 năm 2019

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.604.966.092	(2.269.969.630)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.854.498.442	3.803.565.939
- Các khoản dự phòng	03	-	1.517.572.871
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(15.110.900)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(733.241.722)	(1.375.336.043)
- Chi phí lãi vay	06	62.513.536	224.502.192
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.788.736.348	1.885.224.429
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(422.635.543)	2.722.204.323
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(54.300.549)	249.178.862
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(960.981.028)	614.707.310
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(287.183.455)	779.737.551
- Tiền lãi vay đã trả	14	(62.513.536)	(224.502.192)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.118.116.538)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(340.460.000)	(21.901.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	542.545.699	6.004.649.283
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.870.021.818)	(1.915.526.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	200.781.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.600.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.653.000.000)	(2.860.290.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	7.374.514.500
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.664.462.283	2.305.441.232
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	741.440.465	4.104.920.823
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	46.312.070	305.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(763.605.026)	(1.624.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(717.292.956)	(1.319.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	566.693.208	8.790.070.106
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.341.115.540	15.474.865.575
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	19.907.808.748	24.264.935.681



Nguyễn Hồng Ân
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 1 năm 2019

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28/12/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05/01/2007 và thay đổi lần thứ 14 ngày 19/4/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 19/4/2017, vốn điều lệ của Công ty là 186.445.000.000 VND, tương đương 18.644.500 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UPCOM với mã chứng khoán là VTG.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30/6/2018 là 377 người (tại ngày 01/01/2018 là 408 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà khách;
- Kinh doanh khu du lịch, bãi tắm, bãi biển, hoạt động thể thao, nhà hàng;
- Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage, vũ trường;
- Dịch vụ du lịch lữ hành;
- Dịch vụ bán vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy;
- Vận tải hành khách du lịch đường bộ;
- Bán buôn thực phẩm và đồ dùng cho gia đình;
- Bán buôn thiết bị điện tử, viễn thông và tin học;
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp và máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty CP Du lịch Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường 02, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	50,07%	50,07%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Ăn uống; Lữ hành nội địa và quốc tế; Kinh doanh bãi biển, đi du thuyền; Hoạt động giải trí ca nô, trượt nước, ca nô kéo dù; Mua bán đồ dùng cá nhân, đồ trang sức; Mua bán quần áo
Công ty CP Du lịch Nghinh Phong	Số 06 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	96,18%	96,18%	Hoạt động vui chơi giải trí, dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động, đại lý du lịch, cho
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu (*)	Số 29 Trần Hưng Đạo, Phường 01, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	100%	100%	Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và quốc tế
Công ty liên kết				
Công ty CP Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Số 65 Huyền Trân Công Chúa, Phường 08, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	26,53%	26,53%	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh hoạt động câu lạc bộ giải trí
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Dạm	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	35%	35%	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch.

(*) Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành quyết định giải thể Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu được chuyển giao cho Công ty. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu đang tiến hành các thủ tục để giải thể công ty.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Khu Du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Khách sạn Vũng Tàu - Sammy	Số 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường 02, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	275F Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

(*) Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành quyết định tạm ngưng hoạt động của chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và giải thể Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Các Công cụ tài chính không có giá niêm yết trên thị trường Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính do Thông thư 210/2009/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường.*
- b) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- c) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a,b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí bảo trì, cải tạo nhà máy. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

3-00
ÁNH
CH
TY
HỮ
TOÁN
CO
PH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.537.776.343	1.394.243.212
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.720.032.405	14.696.872.328
Các khoản tương đương tiền (i)	10.650.000.000	3.250.000.000
Cộng	19.907.808.748	19.341.115.540

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng tại các Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

a) Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Dịch vụ Thể thao Thi đấu Giải trí	16.368.660.000	(6.278.655.600)	(*)	16.368.660.000	(6.278.655.600)	(*)
Công ty CP Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	2.452.372.777	(2.452.372.777)	(*)	2.452.372.777	(2.452.372.777)	(*)
Cộng	18.821.032.777	(8.731.028.377)	-	18.821.032.777	(8.731.028.377)	-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

b) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm từ 03 tháng đến dưới 01 năm	3.100.000.000	3.100.000.000
Ngân hàng TMCP TMCP Công Thương Việt Nam - CN Vũng Tàu	1.100.000.000	1.100.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh- CN Vũng Tàu	1.500.000.000	1.500.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	500.000.000	500.000.000
Cộng	3.100.000.000	3.100.000.000

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	17.398.907.396	18.548.605.304
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	3.878.297.384	3.878.297.384
Công ty TNHH Hoàng Trung	2.466.577.510	2.466.577.510
Công ty TNHH Tiểu Hưng Long	1.825.472.115	1.825.472.115
Phải thu khách hàng khác	9.228.560.387	10.378.258.295
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	107.732.930	107.732.930
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm	107.732.930	107.732.930
Cộng	17.506.640.326	18.656.338.234

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CP Du lịch Nghinh Phong	8.350.000.000	9.950.000.000
Cộng	8.350.000.000	9.950.000.000

Khoản cho vay với lãi suất từ 5%-7%/năm, thời hạn cho vay là trong 12 tháng, tại thời điểm 30/06/2018 các khoản vay đều đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	8.716.267.242	(4.076.908.325)	10.294.054.789	(4.076.908.325)
<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i>				
Công ty CP Du lịch Nghinh Phong- Lãi vay và các khoản ứng vốn, chi hộ	933.059.723	-	660.177.084	-
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm - Ứng trước tiền góp vốn	10.425.000	-	10.425.000	-
<i>Phải thu khác là các tổ chức, các nhân khác</i>				
- Ký cược, ký quỹ	120.243.988	-	122.043.444	-
- Tạm ứng	2.419.679.185	(1.286.491.185)	2.384.381.685	(1.286.491.185)
- Các khoản bảo hiểm nộp thừa	9.659.855	-	49.022.837	-
- Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Bình Châu - Cổ tức	-	-	2.288.223.200	-
- Công ty CP Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	115.769.425	-	1.031.649.425	-
- Phải thu khác	5.107.430.066	(2.790.417.140)	3.748.132.114	(2.790.417.140)
<i>b) Dài hạn</i>	514.000.000	-	562.673.000	-
Ký quỹ dài hạn	514.000.000	-	562.673.000	-
Cộng	9.230.267.242	(4.076.908.325)	10.856.727.789	(4.076.908.325)

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Dự phòng cho phải thu khách hàng khó đòi	13.534.580.507	13.568.880.507
Dự phòng cho các khoản trả trước người bán	1.198.815.407	1.182.225.899
Dự phòng cho phải thu ngắn hạn khác	4.076.908.325	4.059.197.833
Cộng	18.810.304.239	18.810.304.239

Chi tiết tình hình tăng giảm khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tại ngày 01/01	18.810.304.239	17.315.394.177
Trích dự phòng trong kỳ	-	1.530.172.871
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(12.600.000)
Tại ngày 30/06	18.810.304.239	18.832.967.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

10. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	13.568.470.007	33.889.500	13.602.770.007	33.889.500
<i>Bên liên quan</i>		-		-
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm	107.732.930	-	107.732.930	-
<i>Các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	3.878.297.384	-	3.878.297.384	-
Công ty TNHH Hoàng Trung	2.466.577.510	-	2.466.577.510	-
Công ty TNHH Tiểu Hưng Long	1.825.472.115	-	1.825.472.115	-
Công ty TNHH Thiện Trân	1.438.306.242	-	1.438.306.242	-
Khách hàng khác	3.852.083.826	33.889.500	3.886.383.826	33.889.500
<i>Phải thu khác</i>	<i>4.076.908.325</i>	<i>-</i>	<i>4.059.197.833</i>	<i>-</i>
<i>Trả trước cho người bán</i>	<i>1.198.815.407</i>	<i>-</i>	<i>1.182.225.899</i>	<i>-</i>
Tổng cộng	18.844.193.739	33.889.500	18.844.193.739	33.889.500

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	526.238.279	-	450.501.441	-
Công cụ, dụng cụ	115.232.872	-	126.903.762	-
Hàng hóa	637.830.067	-	647.595.466	-
Cộng	1.279.301.218	-	1.225.000.669	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	921.037.916	673.418.114
Chi phí Công cụ, dụng cụ	554.308.048	223.609.878
Các khoản khác	366.729.868	449.808.236
b) Dài hạn	5.497.872.640	5.458.308.987
Chi phí sửa chữa, đầu tư cải tạo	3.003.519.493	2.856.809.872
Chi phí Công cụ, dụng cụ	2.169.830.948	2.049.611.853
Chi phí khác	324.522.199	551.887.262
	6.418.910.556	6.131.727.101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.870.865.911	-	-	2.870.865.911
Thuế thu nhập cá nhân	7.718.743	65.053.601	87.698.987	30.364.129
Cộng	2.878.584.654	65.053.601	87.698.987	2.901.230.040
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	518.743.411	7.656.470.488	7.151.343.399	1.023.870.500
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.214.311	-	-	3.214.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.118.116.538	-	3.118.116.538	-
Thuế thu nhập cá nhân	20.875.328	40.411.641	61.286.969	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (i)	20.179.964.700	5.353.540.350	7.681.117.354	17.852.387.696
Các loại thuế khác	-	218.027.177	8.000.000	210.027.177
Cộng	23.840.914.288	13.268.449.656	18.019.864.260	19.089.499.684

Ghi chú:

(i) Đối với tiền thuê đất Khu vực Bãi tắm Thùy Vân:

- Theo Kết luận 261/KL-TTr ngày 18/09/2018; Quyết định số 172/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thu hồi tiền nộp vào ngân sách nhà nước; Công ty có nghĩa vụ kê khai, nộp ngân sách nhà nước liên quan đến số tiền thuê đất đối với lô đất thuê tại khu vực Bãi tắm Thùy Vân (diện tích 54.171,1 m² cho thời gian thuê từ ngày 01/01/2006 đến hết ngày 31/12/2017 là 107.498.702.141 VND (Giá trị theo Thông báo ban đầu số 5764/TB-CCT ngày 13/6/2017 của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu là 115.638.237.546 VND)), số tiền Công ty phải hạch toán chi phí thêm là 91.099.278.151 VND. Công ty đã gửi các kiến nghị đến Cơ quan chức năng có liên quan của Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về vấn đề này; tuy nhiên, Công ty chưa nhận được các phản hồi, theo đó chưa ghi nhận bổ sung số tiền này trên Báo cáo tài chính.
- Căn cứ theo thông báo số 3305/160/TB-CCT ngày 27/4/2018 của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu, số tiền thuê đất cho kỳ 6 tháng đầu năm 2018 của lô đất thuê khu vực Bãi tắm Thùy Vân là 7.507.530.623 đồng, số tiền Công ty đang hạch toán là 1.314.770.390 đồng, chênh lệch thiếu chưa ghi nhận là 6.192.760.233 đồng.
- Nghĩa vụ khác với ngân sách Nhà Nước: Theo Quyết định về việc thu hồi tiền nộp vào ngân sách nhà nước số 182/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh, Công ty phải hạch toán chi phí và nộp tiền thuê hạ tầng cho ngân sách nhà nước đối với hạng mục san nền, kê đá, hạ tầng kỹ thuật khác nằm trong khu du lịch Biển Đông-Bãi tắm Thùy Vân do ngân sách tỉnh đã đầu tư từ khi sử dụng cho đến nay với số tiền là 3.658.061.609 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ												
Số dư đầu năm	116.282.882.819	5.103.760.017	9.396.193.521	448.092.660	3.504.672.775	134.735.601.792						
- Mua trong kỳ	1.342.749.091	527.272.727	-	-	-	1.870.021.818						
Số dư cuối kỳ	117.625.631.910	5.631.032.744	9.396.193.521	448.092.660	3.504.672.775	136.605.623.610						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ												
Số dư đầu năm	57.785.536.583	3.632.399.086	5.375.089.126	445.325.506	2.908.032.290	70.146.382.591						
- Khấu hao trong kỳ	3.082.627.371	248.449.034	426.922.236	9.311.053	87.188.748	3.854.498.442						
Số dư cuối kỳ	60.868.163.954	3.880.848.120	5.802.011.362	454.636.559	2.995.221.038	74.000.881.033						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Số dư đầu năm	58.497.346.236	1.471.360.931	4.021.104.395	2.767.154	596.640.485	64.589.219.201						
Số dư cuối kỳ	56.757.467.956	1.750.184.624	3.594.182.159	(6.543.899)	509.451.737	62.604.742.577						

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2018 với giá trị là 8.506.619.008 VND (tại ngày 31/12/2017 là 7.011.190.352 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư vào công ty con	47.664.335.615	(4.861.483.591)	47.664.335.615	(4.861.483.591)
Công ty CP Du lịch Thủy Vân (i)	9.868.495.615	-	9.868.495.615	-
Công ty CP Du lịch Nghinh Phong (ii)	37.795.840.000	(4.861.483.591)	37.795.840.000	(4.861.483.591)
b) Đầu tư vào công ty liên kết	10.550.832.918	(1.190.000.000)	7.897.832.918	(1.190.000.000)
Công ty CP Đầu tư Khách sạn Biển Đông (iii)	9.360.832.918	-	6.707.832.918	-
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm (iv)	1.190.000.000	(1.190.000.000)	1.190.000.000	(1.190.000.000)
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	63.852.176.741	(7.588.483.878)	63.852.176.741	(7.588.483.878)
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	28.602.790.000	-	28.602.790.000	-
Công ty CP Lạc Việt	13.000.000.000	(3.635.293.878)	13.000.000.000	(3.635.293.878)
Công ty CP Thương Mại Du Lịch Vũng Tàu Sài Gòn	9.390.560.000	-	9.390.560.000	-
Công ty CP Du lịch Sinh thái Long Hải	3.468.701.654	-	3.468.701.654	-
Công ty TNHH Nam Biển Đông	3.326.935.087	-	3.326.935.087	-
Công ty CP Du lịch Minh Đạm (v)	2.784.000.000	(2.784.000.000)	2.784.000.000	(2.784.000.000)
Công ty CP Dịch vụ thể thao Thị đấu Giải trí	1.169.190.000	(1.169.190.000)	1.169.190.000	(1.169.190.000)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	800.000.000	-	800.000.000	-
Công ty CP San Hồ Xanh Côn Đảo	800.000.000	-	800.000.000	-
Công ty CP Du lịch An Hoa	500.000.000	-	500.000.000	-
Hợp tác xã Du lịch Biển Xanh	10.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	122.067.345.274	(13.639.967.469)	119.414.345.274	(13.639.967.469)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con, liên kết của Công ty tại ngày 30/6/2018 như sau:

- (i) Công ty Cổ phần Du lịch Thùy Vân được thành lập theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 49003000221, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30/6/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Tại ngày 30/06/2018, Công ty có lãi lũy kế là 671.400.926 VND.
- (ii) Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong được thành lập theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 3502213663, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26/9/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Trong kỳ, Công ty hoạt động đã có lãi.
- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông được thành lập theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 3500770108, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24/9/2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Tại ngày 30/06/2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (iv) Công ty Cổ phần giải trí thể thao Minh Đạm được thành lập theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 3501454916 ngày 28/8/2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành quyết định số 6023/UBND-VP ngày 02/8/2016 về việc chấm dứt hiệu lực chủ trương cho Công ty Cổ phần giải trí thể thao Minh Đạm đầu tư dự án Khu du lịch vui chơi, giải trí và thể thao quốc phòng tại thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 30/6/2018 như sau:

- (v) Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm được thành lập theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 3500613923, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05/04/2013 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 02/6/2014 về việc thu hồi 152.619,5 m² đất cho Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm thuê để thực hiện dự án đầu tư Khu Du lịch Minh Đạm tại thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty có các cam kết góp vốn nhưng chưa thực hiện tại ngày 30/06/2018:

	Vốn điều lệ của đơn vị nhận đầu tư	Góp vốn của Công ty		
		Vốn cam kết	Vốn đã góp đến 30/06/2018	Vốn chưa góp đến 30/06/2018
Công ty CP giải trí thể thao Minh Đạm	20.000.000.000	7.000.000.000	1.190.000.000	5.810.000.000
Công ty CP Đầu tư Khách sạn Biển Đông	49.000.000.000	13.000.000.000	9.360.832.918	3.639.167.082
Công ty CP Du lịch Sinh thái Long Hải	60.000.000.000	3.500.000.000	3.468.701.654	31.298.346
Công ty CP Du lịch Minh Đạm	100.000.000.000	10.000.000.000	2.784.000.000	7.216.000.000
Công ty TNHH Du lịch Nam Biển Đông	25.000.000.000	3.572.350.000	3.326.935.087	245.414.913
Công ty CP Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	120.000.000.000	12.000.000.000	9.158.800.000	2.841.200.000

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty con:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty CP Du lịch Nghinh Phong		
Mua hàng	-	20.020.000
Lãi cho vay	272.882.639	382.771.528
Chi hộ	-	6.336.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty con:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty CP Du lịch Thùy Vân		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	200.260.078	31.093.802
Thu ứng khấu hao	46.312.070	96.718.670
Cho thuê khách sạn	1.347.600.000	1.347.600.000

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan</i>	-	-	247.060.000	247.060.000
Công ty CP Du lịch Thùy Vân	-	-	247.060.000	247.060.000
<i>b) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác</i>	3.998.928.583	3.998.928.583	2.330.914.205	2.330.914.205
Cửa hàng Thanh Dương	230.116.000	230.116.000	243.989.000	243.989.000
Phải trả cho các đối tượng khác	3.768.812.583	3.768.812.583	2.086.925.205	2.086.925.205
Cộng	3.998.928.583	3.998.928.583	2.577.974.205	2.577.974.205

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	21.166.383.404	22.154.271.621
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>36.837.827</i>	<i>36.837.827</i>
Công ty CP Đầu tư Khách sạn Biển Đông- tiền thuê đất 2007	21.642.100	21.642.100
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm - Thuế GTGT	15.195.727	15.195.727
<i>Phải trả ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác</i>	<i>21.129.545.577</i>	<i>22.117.433.794</i>
- Kinh phí công đoàn, Các khoản bảo hiểm NLD	119.809.747	63.781.230
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.332.391.800	10.332.391.800
- Ông Nguyễn Ngọc Mỹ - Tiền đặt cọc mua khoản đầu tư	7.399.152.000	7.399.152.000
- Sở Tài chính Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	-	540.000.000
- Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Thu hồi khoản chi không đúng quy định	-	483.272.420
- Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu- Tiền thuế phạt, truy thu	1.654.411.304	1.654.411.304
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	407.498.850	415.994.850
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1.216.281.876	1.228.430.190
b) Dài hạn	3.639.806.151	3.796.034.568
- Sở Tài chính Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu- Tạm ứng vốn kinh doanh	249.800	249.800
- Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	3.639.556.351	3.795.784.768
Cộng	24.806.189.555	25.950.306.189

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

18. VAY VÀ NỢ

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị	VND	VND	Giá trị	VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn	6.760.386.946	6.760.386.946	46.312.070	(763.605.026)	6.043.093.990	6.043.093.990
<i>Vay ngắn hạn Bên liên quan</i>						
Công ty CP Du lịch Thùy Vân (i)	5.216.573.920	5.216.573.920	46.312.070	-	5.262.885.990	5.262.885.990
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Bà Rịa- Vũng Tàu (ii)	1.543.813.026	1.543.813.026	-	(763.605.026)	780.208.000	780.208.000
b) Vay dài hạn	14.052.342.613	14.052.342.613	-	-	14.052.342.613	14.052.342.613
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu (iii)	14.052.342.613	14.052.342.613	-	-	14.052.342.613	14.052.342.613
Cộng	20.812.729.559	20.812.729.559	46.312.070	(763.605.026)	20.095.436.603	20.095.436.603

- (i) Khoản vay ngắn hạn với mục đích hỗ trợ vốn kinh doanh với lãi suất 0%/năm, thời hạn hoàn trả căn cứ theo nhu cầu đầu tư của Công ty Cổ phần Du Lịch Thùy Vân và sau khi nhận được thông báo hoàn trả trước 30 ngày.
- (ii) Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng số 880/KHTD/2013/4774 ngày 28/01/2013 và các phụ lục hợp đồng ngày 04/06/201 với mục đích tài trợ chi phí đầu tư, sửa chữa, nâng cấp khách sạn Sammy-Vũng Tàu tại 157 Thùy Vân, Phường Thăng Tam, TP.Vũng Tàu và mua phương tiện vận tải; thời hạn vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sở hữu công trình xây dựng khách sạn Sammy - Vũng Tàu tại 157 Thùy Vân, Phường Thăng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (bao gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL.599767, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 777472650900183 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 22/12/2008).
- (iii) Khoản vay phát sinh trước cổ phần hóa và hiện đã được khoan nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	186.445.000.000	11.238.309.719	(28.602.328.142)	169.080.981.577
Lỗi trong năm	-	-	(8.571.277.144)	(8.571.277.144)
Số đầu năm	186.445.000.000	11.238.309.719	(37.173.605.286)	160.509.704.433
Lãi trong kỳ	-	-	2.604.966.092	2.604.966.092
Số cuối kỳ	186.445.000.000	11.238.309.719	(34.568.639.194)	163.114.670.525

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.644.500	18.644.500
- Cổ phiếu phổ thông	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.644.500	18.644.500
- Cổ phiếu phổ thông	18.644.500	18.644.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Số cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông						
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	10.978.400	109.784.000.000	58,88%	10.978.400	109.784.000.000	58,88%
Cổ đông khác	7.666.100	76.661.000.000	41,12%	7.666.100	76.661.000.000	41,12%
Total	18.644.500	186.445.000.000	100%	18.644.500	186.445.000.000	100%

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	USD	USD
Đô la Mỹ	5.406,29	377,35

25. DOANH THU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn	52.559.073.113	57.527.462.473
Doanh thu dịch vụ lữ hành	2.412.440.869	14.325.994.932
Cộng	54.971.513.982	71.853.457.405

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn - nhà hàng, khách sạn	22.808.239.020	22.610.612.820
Giá vốn - Lữ hành	2.452.543.602	13.510.415.230
Cộng	25.260.782.622	36.121.028.050

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.202.998.626	12.622.659.174
Chi phí nhân công	17.244.517.645	20.717.027.207
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.854.498.442	3.803.565.939
Chi phí khác	22.387.534.795	31.857.083.819
Cộng	<u>56.689.549.508</u>	<u>69.000.336.139</u>

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	260.099.005	196.984.387
Cổ tức, lợi nhuận được chia	200.260.078	31.093.802
Lãi chuyển nhượng quyền mua chứng khoán	-	715.072.500
Lãi cho vay	272.882.639	382.771.528
Lãi chênh lệch tỉ giá	-	123.548.030
Cộng	<u>733.241.722</u>	<u>1.449.470.247</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	62.513.536	224.501.192
Cộng	<u>62.513.536</u>	<u>224.501.192</u>

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
a) Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	7.236.163.315	7.067.408.778
Chi phí khấu hao	1.184.301.449	1.042.365.804
Chi phí khác	4.909.567.339	4.810.374.097
Cộng	<u>13.330.032.103</u>	<u>12.920.148.679</u>
b) Chi phí quản lý phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	7.570.938.500	8.783.037.268
Chi phí thuê đất	5.586.240.195	5.126.338.544
Chi phí quản lý khác	5.162.246.157	7.957.196.281
Cộng	<u>18.319.424.852</u>	<u>21.866.572.093</u>

31. THU NHẬP KHÁC

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Thu cho thuê mặt bằng	3.888.155.083	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	121.297.823
Thu nhập khác	11.718.182	53.969.420
Cộng	<u>3.899.873.265</u>	<u>175.267.243</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	20.095.436.603	20.812.729.559
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>(19.907.808.748)</u>	<u>(19.341.115.540)</u>
Nợ thuần	<u>187.627.855</u>	<u>1.471.614.019</u>
Vốn chủ sở hữu	<u>163.114.670.525</u>	<u>160.509.704.433</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,00</u>	<u>0,01</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.907.808.748	19.341.115.540	19.907.808.748	19.341.115.540
Chứng khoán kinh doanh	10.090.004.400	10.090.004.400	10.090.004.400	10.090.004.400
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.982.570.881	10.191.990.854	7.982.570.881	10.191.990.854
Phải thu về cho vay	8.350.000.000	9.950.000.000	8.350.000.000	9.950.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	56.263.692.863	56.263.692.863	56.263.692.863	56.263.692.863
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.100.000.000	3.100.000.000	3.100.000.000	3.100.000.000
Tổng cộng	<u>105.694.076.892</u>	<u>108.936.803.657</u>	<u>105.694.076.892</u>	<u>108.936.803.657</u>
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	20.095.436.603	20.812.729.559	20.095.436.603	20.812.729.559
Phải trả người bán và phải trả khác	28.685.308.391	25.784.460.705	28.685.308.391	25.784.460.705
Chi phí phải trả	288.185.036	236.601.489	288.185.036	236.601.489
Tổng cộng	<u>49.068.930.030</u>	<u>46.833.791.753</u>	<u>49.068.930.030</u>	<u>46.833.791.753</u>

Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo chính sách tại Thuyết minh số 03.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Sau 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.907.808.748	-	-	19.907.808.748
Chứng khoán kinh doanh	10.090.004.400	-	-	10.090.004.400
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.468.570.881	514.000.000	-	7.982.570.881
Phải thu về cho vay	8.350.000.000	-	-	8.350.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	56.263.692.863	56.263.692.863
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.100.000.000	-	-	3.100.000.000
Tổng cộng	48.916.384.029	514.000.000	56.263.692.863	105.694.076.892
Các khoản vay	6.043.093.990	14.052.342.613	-	20.095.436.603
Phải trả người bán và phải trả khác	28.685.308.391	-	-	28.685.308.391
Chi phí phải trả	288.185.036	-	-	288.185.036
Tổng cộng	35.016.587.417	14.052.342.613	-	49.068.930.030
Chênh lệch thanh khoản thuần	13.899.796.612	(13.538.342.613)	56.263.692.863	56.625.146.862
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.341.115.540	-	-	19.341.115.540
Chứng khoán kinh doanh	10.090.004.400	-	-	10.090.004.400
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.629.317.854	562.673.000	-	10.191.990.854
Phải thu về cho vay	9.950.000.000	-	-	9.950.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	56.263.692.863	56.263.692.863
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.100.000.000	-	-	3.100.000.000
Tổng cộng	52.110.437.794	562.673.000	56.263.692.863	108.936.803.657
Các khoản vay	6.760.386.946	14.052.342.613	-	20.812.729.559
Phải trả người bán và phải trả khác	25.784.460.705	-	-	25.784.460.705
Chi phí phải trả	236.601.489	-	-	236.601.489
Tổng cộng	32.781.449.140	14.052.342.613	-	46.833.791.753
Chênh lệch thanh khoản thuần	19.328.988.654	(13.489.669.613)	56.263.692.863	62.103.011.904

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

33. THÔNG TIN KHÁC

Theo các Quyết định, kết luận và thông báo của Chi cục thuế Tp. Vũng Tàu, của Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì Công ty phải ghi nhận chi phí và nộp tiền thuế đất, thuế hạ tầng tại khu vực Bãi tắm Thùy Vân, Tp. Vũng Tàu với tổng giá trị 94.757.359.760 VND, cụ thể:

Các văn bản về tiền thuế đất	Từ khi sử dụng cho đến nay	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	Từ năm 2006 đến năm 2014	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/9/2018 và Quyết định số 182/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (**)	3.658.061.609	-	-	-	-	3.658.061.609	
Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/9/2018 và Quyết định số 172/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (*)	-	10.900.043.638	10.855.267.686	8.684.214.149	77.059.176.668	107.498.702.141	
1849/TB-CCT ngày 15/03/2018 (phần phạt chậm nộp)	-	8.250.254.466	-	-	-	8.250.254.466	
9131/160/TB-CCT ngày 29/09/2017 (Kỳ 2)	-	6.624.291.726	-	-	-	6.624.291.726	
5764/TB-CCT ngày 13/06/2017 (Nợ gốc)	-	6.616.596.501	13.233.193.002	10.586.554.402	85.201.893.641	115.638.237.546	
Số đã hạch toán chi phí tiền thuế đất	-	2.945.618.760	2.241.962.470	2.945.618.760	8.266.224.000	16.399.423.990	
Số đã hạch toán chi phí tiền thuế cơ sở hạ tầng	-	-	-	-	-	-	
Số còn nợ và chưa hạch toán (*)	3.658.061.609	7.954.424.878	8.613.305.216	5.738.595.389	68.792.952.668	94.757.339.760	

(*) Đến thời điểm hiện nay, tiền thuế đất truy thu bổ sung được xác định theo kết luận và Quyết định của Thanh tra vào ngày 05/10/2018. Tiền thuế đất được tính cho tổng diện tích đất Công ty đang quản lý sử dụng 54.171,1m² tại khu vực Bãi tắm Thùy Vân (bao gồm diện tích xây dựng sử dụng kinh doanh 7.880,0m²; diện tích đất công cộng 46.290,90m² (trong đó: *bôn hoa xây xanh là 3.883,6m²; khuôn viên, sân, bãi xe, lối đi là 28.178,7m²; và bãi cát bờ biển là 14.219,3m²*) trừ đi diện tích bãi cát bờ biển là 14.219,3m².

(**) Tiền thuế hạ tầng cho ngân sách nhà nước đối với hạng mục san nền, kè đá, hạ tầng kỹ thuật khác nằm trong khu du lịch Biển Đông do ngân sách tỉnh đã đầu tư được Thanh tra tỉnh truy thu từ khi công ty sử dụng cho đến nay.

Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa được Cơ quan chức năng có thẩm quyền của Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký hợp đồng cho thuê hạ tầng và hợp đồng cho thuê đất đối với toàn bộ diện tích đất tại khu vực Bãi tắm Thùy Vân, Tp. Vũng Tàu. Theo Thông báo ngày 02/05/2013, kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Cuộc họp hỗ trợ các dự án ngoài khu công nghiệp ngày 03/04/2013 có nêu "Đồng ý việc tính tiền thuế đất trong giá thuê hạ tầng đối với phần diện tích đất phục vụ kinh doanh. Phần diện tích không phục vụ kinh doanh không tính tiền thuế đất trong giá thuê hạ tầng", Công ty và các doanh nghiệp trên địa bàn có sử dụng đất tại khu vực bãi tắm Thùy Vân đang tiếp tục kiến nghị Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về đơn giá, và cách tính tiền thuế đất cho từng khu vực này.

Công ty đã gửi Công văn kiến nghị số 95/CV-CPDL ngày 05/11/2018 gửi Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xin được xem xét lại việc truy thu tiền đất, tiền thuế cơ sở hạ tầng và xem xét đề Công ty được ký kết hợp đồng thuê đất tại khu vực Bãi tắm Thùy Vân để có điều kiện thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Luật Đất đai, được tính tiền thuế đất trên phần diện tích sử dụng cho mục đích kinh doanh và tính toán lại tiền thuế đất với mức thu hợp lý để doanh nghiệp có thể thực hiện được. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này Công ty chưa nhận được các văn bản, kết luận giải quyết kiến nghị này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày đầu năm là số liệu đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017; Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ (kỳ trước) là các báo cáo đã được soát xét bởi công ty kiểm toán khác cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.



Nguyễn Hồng Ân
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 1 năm 2019.

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Kế toán trưởng

